BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)										CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		2																				
		3																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		4																				
		5																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
	Chiều	6						Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)										
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 10/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)											
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6						Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)									Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)
		7																				
		8																			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		9																				
		10																			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc ()	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc ()
Thứ 4 11/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)										Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		2																				
		3																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		4																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		5																				
	Chiều	6						Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)										
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe-1-1-2024(N01) (...)										Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		2																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		3																				
		4																			Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		5																			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
	Chiều	6						Quản lý kinh tế Chu Mạnh Vinh (X10.101_PHLT Khoa CK)														
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 13/12	Sáng	1					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)															
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																			HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/12	Sáng	1											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		2											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		3											Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		4											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		7										Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						
		8	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		10																				Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
Thứ 3 10/12	Sáng	1											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		2											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		3											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
		4											Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				
		5											CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)																		
		7	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9										Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		10	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)																		
Thứ 4 11/12	Sáng	1												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				
		2																				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.406)					Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)
		7											Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)					
		8	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		9											Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)					
		10										Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/12	Sáng	1												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		2												CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4												CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		5												Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
	Chiều	6	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		7	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		8	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)									CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 13/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)								HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				HĐTNHN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/12	Sáng	1													Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)					Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)
		2													CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	
		3													Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)					Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		4														Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)
		5														Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)
	Chiều	6			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)				
		7			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)																
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				
		9			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				
		10					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)				
Thứ 3 10/12	Sáng	1								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)				Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	
		2					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)							Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)			
		3					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	
		4					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)		
		5								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)						Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)					Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.407)
		7														Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)							Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)					
		9			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)
		10														CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)							CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
Thứ 4 11/12	Sáng	1					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)
		2																	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		
		3					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		4					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		5					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)				
		7			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)											
		8								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)				
		9			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)					
		10															CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/12	Sáng	1								Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	
		2								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)		
		3								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)
		4								Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)
		5													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)
	Chiều	6			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		7			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		8			CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)																
		9			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
		10																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
Thứ 6 13/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)	HĐTNHN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/12	Sáng	1							Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)					PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)		
		7																				
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		9																				
		10															Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
Thứ 3 10/12	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)						Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)																			
		4	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)																			
		5																				
	Chiều	6						PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)		
		7															CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)					
		8															Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		
		9																	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		10															CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)					
Thứ 4 11/12	Sáng	1							Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)					PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)				Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-1-2024(N03) (...)		Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
		7																				
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)		
		10	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/12	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)					PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)		Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1-1-1-2024(N01) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1-1-1-2024(N02) (...)			Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																			
		4	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																			
		5	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																			
	Chiều	6						PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)						Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		7																	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		8															Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)		
		9															HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		10																				
Thứ 6 13/12	Sáng	1						PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)						Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)														Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)					
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/12	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()					PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)			Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)					Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		7																				
		8														Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
		9																				
		10														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
Thứ 3 10/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()					PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)			Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)					Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Việt Anh ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)
		7														CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)		
		8														Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		9																		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		10														CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)					Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
Thứ 4 11/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()					PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)			Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)					Thuế Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Việt Anh ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		7																				
		8														CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		9														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		10																		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/12	Sáng	1	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()					PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)							Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)						
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)
		7														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)		
		8														Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		9														HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		10																				
Thứ 6 13/12	Sáng	1																				
		2	Điện tử cơ bản Trần Thị Thơm ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()							
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()							
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/12	Sáng	1																				
		2			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()							
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong ()																
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 09/12	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H3.203_TH Máy tính)						Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)
		7											Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)			
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)						Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9								Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			
		10				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)													CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
Thứ 3 10/12	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		7				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)												Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
		9				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)					Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
		10				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)							Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
Thứ 4 11/12	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		7				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)															CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)
		10								CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 12/12	Sáng	1								Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		7								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)					Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	
		8				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		9				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)
		10																			
Thứ 6 13/12	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)					Lập trình căn bản Lê Thị Châm ()	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo ()		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()						Lập trình căn bản Lê Thị Châm ()	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo ()					Photoshop Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 14/12	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()						Lập trình căn bản Lê Thị Châm ()	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo ()					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()				Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan ()						Lập trình căn bản Lê Thị Châm ()	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo ()					
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 09/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)			Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)			Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Văn Kiên (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)			Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Nhập môn Logistisc Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		7	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)																
		8			Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)															
		9	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)															
		10																		
Thứ 3 10/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)	Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)			Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.106_Khoa SP- KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)		Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Văn Kiên (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)		Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)			
		7			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)															
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)															
		10																		
Thứ 4 11/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)	Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)	Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.101)		Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Văn Kiên (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.207)		Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.101)		Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)			
		7																		
		8	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
		9			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.306)															
		10	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)															

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 12/12	Sáng	1	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.108_CNTT)				Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)	Vẽ kỹ thuật Nguyễn Văn Chiều (X22.302)		Nhập môn Logistisc Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Tiếng Nhật (H3.103)	Ktra: Tiếng anh 1-1-1-24(N10) (TV_THI TN01)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Ktra: Tiếng anh 1-1-1-24(N11) (TV_THI TN03)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)			Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Văn Kiên (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.208)				Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.102)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				
		7			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
		8	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)															
		10																		
Thứ 6 13/12	Sáng	1				Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()		Ktra: Tiếng anh 1-1-1-24(N03) (TV_THI TN01)		Đo lường Lê Trung Thịnh (X22.104)			Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6						Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2024(N02) Trần Văn Kiên (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-24(N01) Lỗ Văn Ba (...)		Ktra: Tiếng anh 1-1-1-24(N05) (TV_THI TN02)	Ktra: Tiếng anh 1-1-1-24(N06) (TV_THI TN04)				Ktra: Tiếng anh 1-1-1-24(N08) (TV_THI TN05)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Ktra: Tiếng anh 1-1-1-24(N09) (TV_THI TN01)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 14/12	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 09/12	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
		2		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)			Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)
		3	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)					Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	
		4	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)				CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)			Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		5		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)				CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
	Chiều	6	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.102)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	An toàn điện Trần Thị Thơm ()	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207)		Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.103)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 10/12	Sáng	1	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)
		2	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)					Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)												
		3	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
		4		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
		5	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)				Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)
	Chiều	6	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	An toàn điện Trần Thị Thơm ()	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng ()			Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207)	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.208)		Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 11/12	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N25) (TV_THI TN01)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N26) (TV_THI TN05)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N25) (TV_THI TN01)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)
		2													Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)					
		3	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Ktra: Pháp luật-1-1-24(N25) (TV_THI TN01)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Ktra: Pháp luật-1-1-24(N26) (...)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ktra: Pháp luật-1-1-24(N25) (TV_THI TN01)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		4		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	
		5	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)					Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
	Chiều	6	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()					Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)			Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)			Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 12/12	Sáng	1	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)
		2	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)			Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		3	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)													CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			
		4	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)
		5																		
	Chiều	6		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)				Vật liệu điện Nguyễn Văn Tĩnh ()				Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)			Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 13/12	Sáng	1	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.101)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N08) (TV_THI TN02)					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		2															Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N10) (TV_THI TN04)			
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ktra: Tin học-1-1-24(N02) Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()				Vật liệu điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 14/12	Sáng	1																		
		2																		
		3													CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)					
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 20: Từ 09/12 Đến 15/12/2024

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 09/12	Sáng	1		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)									CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)		
		3						CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		4			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)			
		5			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6			Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.102)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()					Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yến (H5.103)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn ()	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 10/12	Sáng	1		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2			CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)			
		3			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)
		4			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5			CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lê (H3.205_Khoa SP-KT)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()					Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yến (H5.101)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 11/12	Sáng	1		Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N26) (TV_THI TN05)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Ktra: Giáo dục chính trị -1-1-24(N25) (TV_THI TN01)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2									Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.402)					
		3		Ktra: Pháp luật-1-1-24(N26) (...)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Ktra: Pháp luật-1-1-24(N25) (TV_THI TN01)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)			Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		5			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)
	Chiều	6				Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lê (H3.205_Khoa SP-KT)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()							Ktra: Tin học-1-1-24(N22) Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 12/12	Sáng	1		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2						Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			
		3			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		5																	
	Chiều	6			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)			Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.108_CNTT)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																	
		8																	
		9							Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)										
		10																	
Thứ 6 13/12	Sáng	1	Kinh tế vi mô Bùi Thu Trang ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()				Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yến (H3.208)		
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hương (H3.101)				Giáo dục thể chất ()	Giáo dục thể chất ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 14/12	Sáng	1	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()												Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				
		2																	
		3												CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)					
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()												Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn ()				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	